

Bản án số: **20/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 18 - 8 - 2021

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lan và ông Vũ Đăng Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Cao Nguyên – Thư ký viên TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960.

HKTT: Thôn ĐX, xã VH1, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Tạm trú tại: Thôn HL, xã VH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Bà Phạm Thị U, sinh năm 1973.

HKTT: Xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Tạm trú tại: Thôn HL, xã VH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Ông T, bà U đều có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày yêu cầu như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà Phạm Thị U đăng ký kết hôn lần thứ nhất vào năm 2007. Đến năm 2011, do mâu thuẫn ông đã làm đơn xin ly hôn bà U và được TAND huyện Bình Giang công nhận thuận tình ly hôn. Sau khi ly hôn một thời gian, ông và bà U được hai bên gia đình hòa giải nên hai bên đăng ký kết hôn lại vào ngày 15/12/2011 tại UBND xã VH1, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Từ khi kết hôn lần thứ nhất năm 2007, ông và bà U đều chung sống với nhau tại thôn HL, xã VH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Sau khi đăng ký kết hôn lại vào năm 2011, vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau ở thôn HL. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn rồi tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhau về mọi mặt trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, thậm chí xảy ra đánh nhau. Hiện nay, vợ chồng ông không còn ăn chung với nhau, đã ly thân về mặt tình cảm từ lâu và không còn quan tâm gì đến nhau. Đến nay, ông xác định mâu thuẫn giữa ông và bà U đã trầm trọng không thể hàn gắn, níu kéo, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà U.

+ *Về con chung*: Ông T xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 12/9/2008 hiện vẫn đang ở chung với ông và bà U. Khi ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung. Con chung Nguyễn Văn Ph có nguyện vọng ở cùng với bà U, ông cũng đồng ý.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong trường hợp bà U nuôi con, ông nhất trí cấp dưỡng tiền nuôi con chung số tiền là 1.000.000đ/tháng theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng vì hoàn cảnh của ông khó khăn, không có việc làm và thu nhập ổn định.

+ *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Ông và bà U tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và không có nợ chung, công sức nên ông không đề nghị tòa án giải quyết trong vụ án này.

Theo bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị U trình bày quan điểm như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Bà U xác định việc bà và ông T đăng ký kết hôn lần thứ nhất vào năm 2007, ly hôn vào năm 2011 rồi sau đó kết hôn lại vào ngày 15/12/2011 tại UBND xã VH1, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương như ông T trình bày là đúng. Sau khi đăng ký kết hôn lại vào năm 2011, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian rồi lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhau về mọi mặt trong cuộc sống và do bà có nghe thông tin ông T quan hệ với người phụ nữ khác là nguyên nhân dẫn đến vợ chồng bà mâu thuẫn. Đến nay, ông T làm đơn xin ly hôn bà, bà xác định không còn tình cảm tuy nhiên bà yêu cầu ông Nguyễn Văn T đồng ý để bà nuôi con và thanh toán khoản tiền cấp dưỡng nuôi con một lần thì bà mới đồng ý ly hôn ông T.

+ *Về con chung*: Bà U xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 12/9/2008 hiện vẫn đang ở chung với bà và ông T. Bà U đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được nuôi con chung Nguyễn Văn Ph vì con chung có nguyện vọng ở cùng với mẹ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà U đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Ph tròn 18 tuổi trưởng thành tuy nhiên bà yêu cầu ông T trả toàn bộ tiền cấp dưỡng nuôi con trong một lần để bà có tiền chăm sóc và tạo dựng nơi ở cho con chung.

+ *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Bà và ông T tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không có nợ chung, công sức nên bà không đề nghị tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T bà Phạm Thị U đều có mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 BLTTDS.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, xử cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Phạm Thị U.

Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, giao cho bà Phạm Thị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn Ph cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng từ tháng 08/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Ông T, bà U không yêu cầu nên không phải giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Văn T vì thuộc đối tượng người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bà Phạm Thị U, hiện ông T và bà U đang tạm trú tại xã thôn HL, xã VH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về các quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị U xác định vợ chồng được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau lần thứ nhất vào năm 2007 sau đó ly hôn vào năm 2011. Đến ngày 15/12/2011, ông T và bà U đăng ký kết hôn lần 2 tại UBND xã VH1, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Khi đăng ký kết hôn, ông T và bà U đều tự nguyện, đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, việc đăng ký kết hôn lại tuân thủ theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn của vợ chồng: Ông T và bà U đều xác định vợ chồng năm 2011 xảy ra mâu thuẫn và đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn một lần. Sau khi ly hôn năm 2011, do gia đình tác động hòa giải nên hai ông bà đăng ký kết hôn lại vào ngày 15/12/2011. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn rồi tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông T là do vợ chồng bất đồng nhau về mọi mặt trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra

đánh cãi chửi nhau, vợ chồng không còn ăn chung với nhau và đã ly thân về mặt tình cảm từ lâu, không còn quan tâm đến nhau do đó ông T làm đơn xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn bà U. Bà U cũng xác định sau khi kết hôn lại vào năm 2011 một thời gian, giữa hai vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn với nguyên nhân theo bà U là do vợ chồng bất đồng nhau về mọi mặt trong cuộc sống và do ông T có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Mặc dù xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng tuy nhiên bà U không đồng ý ly hôn với lý do bà yêu cầu ông T phải đồng ý cho bà nuôi con và thanh toán trả khoản tiền cấp dưỡng nuôi con một lần. Từ những căn cứ nêu trên có thể đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T và bà U đã căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, lý do bà U không đồng ý ly hôn không phải để vợ chồng đoàn tụ mà là do hai bên chưa thỏa thuận được về việc thanh toán nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, xử cho ông T ly hôn bà U là phù hợp khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà U đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 12/9/2008, hiện con chung đang ở cùng ông T, bà U. Quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà U đã thỏa thuận về việc giao con cho bà U tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung Nguyễn Văn Ph. Mặt khác, bà U có tài sản, nghề nghiệp và đủ khả năng nuôi con cho đến khi trưởng thành do vậy cần chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc giao cho bà U tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn Ph là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông T và bà U đã thỏa thuận ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, ông T không đồng ý với phương thức cấp dưỡng một lần của bà U đưa ra mà chỉ đồng ý cấp dưỡng hàng tháng với lý do hiện nay ông làm nghề tự do, không có công việc và mức thu nhập ổn định, tiền ông kiếm được hàng tháng cũng chỉ đủ chi phí sinh hoạt cho bản thân. Qua xác minh tại địa phương, trưởng thôn HL cũng xác nhận việc thu nhập bình quân của người dân trong thôn là 43.000.000đ/năm, gia đình ông T, bà U cũng không phải là hộ khá giả, ông T làm nghề tự do, thu nhập không ổn định. Từ những căn cứ nêu trên

cần chấp nhận ý kiến của ông T về việc cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000đ/tháng theo phương thức hàng tháng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Ông T và bà U đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Phạm Thị U.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, giao cho bà Phạm Thị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 12/9/2008, thời gian kể từ tháng 08/2021 đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Văn Ph số tiền là 1.000.000đ/tháng theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian từ tháng 08/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Kể từ khi bà Phạm Thị U có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu ông Nguyễn Văn T chậm thi hành số tiền cấp dưỡng

trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất do chậm thi hành được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Ông T, bà U không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng đối với ông Nguyễn Văn T

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã VH1, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Hải